

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Trình, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Bá Thước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 279/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về chủ trương đầu tư dự án Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Trình, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét Văn bản số 10922/STNMT-BVMT ngày 12/12/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Trình, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1157/Tr-STNMT ngày 31/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Trình, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Trinh, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bá Thước, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Lũng Cao (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Trình, xã Lũng Cao,
huyện Bá Thước của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Bá Thước

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Trình, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước.

- Địa điểm thực hiện: xã Lũng Cao, huyện Bá Thước.

- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước.

+ Người đại diện: Ông Lò Xuân Hành Chức vụ: Giám đốc

+ Địa chỉ: Thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

a. *Phạm vi dự án:* Khu đất lập dự án đầu tư có diện tích 1,6ha, thuộc địa giới hành chính thôn Trình, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước. Ranh giới được xác định như sau:

+ Phía Bắc: Giáp cánh đồng.

+ Phía Nam: Giáp cánh đồng.

+ Phía Đông: Giáp cánh đồng.

+ Phía Tây Bắc: Giáp khu dân cư hiện trạng.

b. *Quy mô, công suất dự án:*

Dự án sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Trình, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước với tổng diện tích 17.249m², đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật bao gồm các hạng mục: San nền, giao thông, cấp nước, thoát nước và hệ thống cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng hoàn chỉnh.

- Quy mô sử dụng đất của dự án là 17.249m².

- Quy mô dân số: 46 hộ.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a. *Giải phóng mặt bằng:*

Tổng diện tích giải phóng mặt bằng dự án là 17.249m².

b. *Thiết kế san nền:*

San nền bổ sung các vị trí trũng, thấp để đảm bảo cao độ khớp nối phù hợp với các tuyến giao thông theo quy hoạch; cao độ thiết kế san nền tại các lô đất không chế từ +126,5m đến +127,5m.

c. *Giao thông:*

Toàn bộ phần đầu tư trong giai đoạn này có 2 tuyến đường có tổng chiều dài L = 736,66m;

- Tuyến ngoại vùng: có chiều dài $L=195.07m$.
 - Tuyến nội vùng: là các tuyến đường trong khu vực quy hoạch các ô đất.
- Tuyến đường có tổng chiều dài $L=541.59m$;

d. Xây dựng cầu:

Xây dựng cầu bản chiều dài của cầu (tính cho toàn bộ chiều dài của cầu từ chân cầu): $69,05m$.

e. Hạ tầng cấp nước

Xây dựng hệ thống cấp nước cho khu tái định cư bao gồm:

- Đường ống: Đoạn ống chính đặt đường ống HDPE-PN12.5-PE80-DN75; dẫn về bể chứa nước tập trung. Nước từ bể chứa sẽ được dẫn đến các hộ dân bằng đường ống nhánh HDPE-PN12.5-PE80-DN50 dọc theo các tuyến đường dẫn vào các hộ dân.

- Bể lọc nước: Xây dựng 01 bể lọc nước kích thước $1.7 \times 1.7 \times 2.95m$.

- Bể chứa nước: Thể tích chứa nước $60m^3$.

f. Hạ tầng thoát nước:

- Thoát nước mặt trên tuyến ngoại vùng bằng rãnh đất hình thang có kích thước $(0,4+1,2) \times 0,4$ và rãnh kín chữ nhật có khẩu độ thoát nước $B=0,4m$.

- Thoát nước mặt các tuyến đường nội vùng bằng rãnh kín chữ nhật có khẩu độ thoát nước $B=0,4m$. Rãnh thoát nước mặt nội vùng được bố trí 2 bên đường theo hướng từ Tây sang Đông.

- Nước thải được xử lý qua các công trình xử lý do các hộ dân tự xây dựng bao gồm cụm bể xử lý kết hợp gồm bể tự hoại Bastaf 5 ngăn và bể tách dầu mỡ đạt QCVN 14: 2008/BTNMT - Cột B sau đó được thu gom vào hệ thống PVC D200, có hệ thống hố ga thu thăm trên tuyến bố trí dọc vỉa hè của các tuyến đường xung quanh các khu công trình thuộc dự án, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước phía Nam dự án.

g. Hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

- Xây dựng 01 trạm biến áp công suất $100kVA$.

- Mạng lưới điện hạ áp $0,4KV$ cấp điện sinh hoạt cho các hộ dân: Nguồn điện được đầu nối lấy trực tiếp từ hạ thế của trạm biến áp xây dựng mới theo quy hoạch, dây dẫn sử dụng dây cáp vặn xoắn AL/XLPE/PVC $4 \times 120mm^2$, AL/XLPE/PVC $4 \times 35mm^2$ - $0,6kV$ đi treo trên cột ly tâm $L12m$ kết hợp với cáp đỡ dây TK35. Trên cột lắp đặt các thanh xà chờ để lắp các tủ công tơ.

- Chiếu sáng bao gồm: Cho đường giao thông và khu vực các hộ dân, xây dựng 13 cột đèn chiếu sáng được bố trí ở hè đường, sử dụng cột thép bát giác còn liền cần cần có chiều cao $8m$. Đèn chiếu sáng sử dụng bóng tiết kiệm điện bằng led có công suất $150W$ ánh sáng vàng.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích $16.348,6m^2$.

2. Hạn mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Các công trình và hoạt động giai đoạn thi công:

- Giải phóng mặt bằng khu vực dự án.
- Thi công san nền khu vực dự án.
- Thi công hệ thống giao thông khu vực dự án.
- Thi công hệ thống thoát nước khu vực dự án.
- Thi công hệ thống cấp nước khu vực dự án.
- Thi công cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng.

2.2. Các công trình và hoạt động giai đoạn vận hành:

- Thi công các công trình nhà ở.
- Sinh hoạt của người dân khu vực dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Nước thải, khí thải:

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 2,4m³/ngày, trong đó: Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân 1,2m³/ngày; Nước thải từ quá trình ăn uống 0,24 m³/ngày; Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) 0,96m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải rửa thiết bị thi công hạng mục công trình khoảng 1,6m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công có lưu lượng 0,018 m³/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lốp xe. Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂.

- Bụi và khí thải từ hoạt động thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: bụi từ đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO, bụi từ hoạt động vệ sinh móng đường cấp phối đá dăm trước khi láng nhựa, khí thải từ hoạt động tưới nhựa dính bám và từ lớp mặt đường bê tông nhựa trong quá trình thi công. Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 13 kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

+ Khối lượng phát quang thực vật là 3,52 tấn;

+ Khối lượng đất đào bóc phong hóa và bùn nạo vét là 377,75 tấn.

+ Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá... là 4,8 tấn.

b. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa... khối lượng khoảng 5 kg/tháng.

- Chất thải lỏng nguy hại không phát sinh trong quá trình thi công dự án.

3.1.3. Các tác động khác:

a. Tác động do, tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máymóc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

b. Các rủi ro, sự cố môi trường:

- Rủi ro, sự cố bom mìn tồn lưu;

- Rủi ro, sự cố tai nạn lao động;

- Rủi ro, sự cố cháy nổ;

- Rủi ro, sự cố cố ngộ độc thực phẩm;

- Rủi ro, sự cố do dịch bệnh.

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Nước thải, khí thải:

a. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực dự án có lưu lượng 0,037 m³/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt là 23m³/ngày. Trong đó: Nước thải vệ sinh: 4,6m³/ngày; Nước thải ăn uống: 6,9m³/ngày; Nước thải tắm giặt: 11,5m³/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform, dầu mỡ...

b. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi và khí thải trong giai đoạn vận hành của dự án chủ yếu là phát sinh từ: Hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình; mùi hôi từ công trình xử lý nước thải và chất thải rắn; hoạt động xây dựng của các hộ gia đình. Phạm vi tác động chủ yếu trong khuôn viên dự án. Thành phần khí thải chủ yếu: NO₂, SO₂, CO,...

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

Chất thải phát sinh từ sinh hoạt của các hộ dân khoảng 230kg/ngày. Chất thải rắn dễ phân huỷ gồm: Thức ăn thừa, lá cây,...; Chất thải rắn tái chế: Nhựa, nilon, vỏ đồ hộp, giấy...; Chất thải rắn khó phân huỷ: Thủy tinh, sành sứ,...

b. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt khoảng 2,3 kg/tháng. Thành phần chủ yếu bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn xây dựng:

4.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Không tập trung các loại vật liệu gần các mương thoát nước. Trong quá trình thi công thường xuyên kiểm tra, nạo vét các tuyến kênh mương thoát nước tạm đảm bảo quá trình thoát nước tốt không gây ngập úng.

- Che chắn khu vực thi công, phân luồng nước mưa chảy tràn, hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Nhà thầu thi công thu dọn các chất rơi vãi trong khi san lấp, đào móng, hạn chế các chất rơi vãi bị cuốn theo nước mưa.

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng. Cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi...

- Tại bãi đổ thải, đổ thải đến đâu thực hiện đầm nén, san gạt, lu lèn đến đó để phòng tránh nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát ra môi trường.

b. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân lưu lượng 1,2m³/ngày được đưa về hố lắng có thể tích 2m³ (kích thước: dài x rộng x sâu: 2m x 1m x 1m, kết cấu bằng đất đầm chặt, phủ bạt nhựa HDPE xung quanh) để loại bỏ chất rắn lơ lửng, nước thải sau lắng sẽ được thoát ra mương thoát nước phía Đông dự án.

- Nước thải từ quá trình ăn uống: Lưu lượng 0,24m³/ngày được thu gom về bể tách dầu mỡ có thể tích 0,5 m³, kích thước: (dài x rộng x cao) = 1m x 1m x 0,5m kết cấu bằng đất đầm chặt, phủ bạt nhựa HDPE xung quanh. Váng dầu mỡ được nhà thầu thu gom và xử lý chung với chất thải sinh hoạt.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân có lưu lượng 0,96m³/ngày (*đại tiện, tiểu tiện*) được xử lý bằng 02 nhà vệ sinh di động đặt tại khu lán trại. Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (*tần suất 2 ngày/lần*) bằng xe chuyên dụng.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Nước thải xây dựng được thu gom về 01 bể lắng tại khu vực lán trại, dung tích 6,0 m³; kết cấu bể: kích thước: (dài x rộng x cao) = 2m x 2m x 1,5m kết cấu bằng đất đầm chặt, phủ bạt nhựa HDPE xung quanh để loại bỏ chất rắn lơ lửng và dầu mỡ trước khi thải ra hệ thống thoát nước của khu vực. Váng dầu mỡ được nhà thầu thu gom và xử lý chung với chất thải nguy hại.

4.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý.

- Đối với hoạt động đào đắp, hoạt động đổ thải, thực hiện trút đổ đến đâu, san gạt lu lèn đến đó để giảm bụi khuếch tán vào môi trường.

- Thường xuyên phun nước dập bụi tại khu vực thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu. Tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe, xe chở bùn thải phải được gia cố thùng xe bằng bạt HDPE. Phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lốp xe trước ra khỏi công trường.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt:

Trang bị 2 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích 100 lít tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom rác thải sinh hoạt, hợp đồng với đơn vị thu gom rác vận chuyển xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng:

- Các chất thải có thể tái sử dụng như sắt, thép,...: Bán cho đơn vị thu mua phế liệu để tái chế, tái sử dụng.

- Các loại chất thải như bê tông, gạch vỡ, đất đá thải được tận dụng để san nền các lô trong khuôn viên dự án..

- Toàn bộ đất bóc phong hóa được đưa về bãi đổ thải của dự án, tại khu vực thôn Cao, xã Lũng Cao (trữ lượng dự kiến của bãi đổ thải là 2000m³), cách dự án khoảng 1,48km. Sau khi trút đổ thực hiện san gạt, lu lèn và giao cho chính quyền địa phương quản lý.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị sử dụng 01 thùng chứa dung tích 100lit/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy để lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định; lượng chất thải rắn nguy hại này được lưu trữ tạm tại khu vực riêng rộng 10m², theo mặt bằng khu lán trại. Hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Thiết kế, thi công mạng lưới thoát nước mưa phù hợp cho khu dân cư.
- Tuyên truyền người dân nâng cao ý thức không xả rác, chất thải xuống mương thoát nước. Thường xuyên nạo vét khơi thông cống rãnh.

b. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- *Đối với các hộ gia đình:*

+ Thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý nước thải phát sinh khi xây dựng nhà cửa không gây ô nhiễm môi trường.

+ Nước thải từ tắm rửa, giặt giũ: Thu gom và dẫn theo đường ống riêng biệt thoát ra hệ thống thoát nước của khu dân cư.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động ăn uống (nhà bếp): Đầu tư bể tách dầu mỡ để loại bỏ váng dầu mỡ và dẫn ra mương thoát nước của khu dân cư.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh, hố xí: Thu gom và dẫn theo đường ống dẫn về bể Bastaf 5 ngăn của nhà dân để xử lý. Nước thải sau khi xử lý được thải ra hệ thống thu gom nước thải của KDC sau đó thoát ra mương phía Nam dự án.

- *Đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước.*

+ Xây dựng hệ thống thoát nước thải sinh hoạt đảm bảo tiêu thoát nước thải cho khu dân cư.

+ Định kỳ nạo vét khơi thông hệ thống thoát nước thải, không để rác thải tích tụ đầy trong mương thoát nước.

+ Tuyên truyền, phổ biến người dân không xả rác xuống hệ thống thu gom thoát nước thải, không làm hư hỏng hệ thống.

+ Yêu cầu mỗi hộ dân khi xây nhà phải xây dựng 01 bể Bastaf 5 ngăn có kích thước H x B x L = 1,5m x 1m x 3,5m, thể tích tổng cộng là 5,25m³.

4.2.2. Về bụi, khí thải

a. Đối với các hộ gia đình:

- Các hộ dân khi xây dựng nhà cửa phải có biện pháp thu gom, quản lý vật liệu; hạn chế rơi vãi, phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh; khi vận chuyển nguyên nhiên vật liệu phục vụ thi công dự án, yêu cầu nhà cung cấp phủ bạt kín, chở đúng tốc độ và tải trọng xe theo quy định, phun nước dập bụi khu vực thi công vào những ngày nắng nóng...

- Phun tưới nước làm ẩm mặt đường, vỉa hè khu vực trước phần đất của mình trong những ngày hanh nóng nhằm hạn chế một phần bụi, đất cát có thể theo gió phát tán vào không khí.

- Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà.

- Để rác đúng quy định về thời gian và địa điểm.

- Đối với khu vực nhà bếp phải trang bị bộ phận hút, lọc mùi trước khi thải ra môi trường.

- Bổ sung chế phẩm khử mùi đối với cụm bể xử lý nước thải sinh hoạt.

b. Đối với BQL dự án:

Bố trí cây xanh trên vỉa hè khu vực dự án theo quy hoạch để cải thiện môi trường và tăng vẻ đẹp. Cây xanh được trồng là các loại cây ít rụng lá, dễ chăm sóc. Bố trí các cây to như cây cọ dầu, bằng lăng,... ở dưới chân che phủ nền bằng cây cỏ lá lạc cho hoa quanh năm, tạo độ ẩm cho đất, tăng mỹ quan cho khu vực dự án.

c. UBND xã Lũng Cao:

- Tuyên truyền vận động người dân thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu dân cư để giảm bụi khuếch tán, cấm các hộ dân không đốt chất thải, lá cây, rơm rạ trong khu dân cư.

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, thoát nước mưa và định kỳ phun xịt chất khử trùng khu vực cống rãnh thoát nước trong khu vực dự án.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý CTR thông thường

a. Đối với các hộ gia đình:

- Thực hiện phân loại, thu gom chất thải rắn phát sinh thành 3 loại (chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn tro).

- Trả phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

- Giữ gìn vệ sinh nơi ở và nơi công cộng, thu gom, tập kết CTRSH đúng nơi quy định; không được vứt, thải, đổ, bỏ CTRSH ra môi trường không đúng nơi quy định; tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể phát động.

- Dọn dẹp, giữ gìn vệ sinh môi trường trong khu đất thuộc quyền sử dụng của gia đình, vỉa hè trước và xung quanh khu vực.

- Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong công tác điều tra, khảo sát xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý CTRSH.

- Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; các vi phạm đối với Quy định này đến UBND cấp huyện.

b. Đối với UBND xã Lũng Cao

- Cung cấp các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành liên quan đến CTR cho các nhà đầu tư thành viên; có chương trình, kế hoạch cụ thể trong việc nạo vét cống rãnh và thông báo rộng rãi cho người dân toàn khu dự án biết trước khi triển khai.

- Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của hộ gia đình tại dự án và các tổ chức tự quản trên địa bàn; định kỳ xây dựng và triển khai kế hoạch tổng vệ sinh môi trường.

- Bố trí 01 thùng chứa màu trắng dung tích 200 lit/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại cuối tuyến đường ngoại vùng (đoạn giao nhau với tuyến đường nội vùng) thu gom chất thải tro (sành sỏi, thủy tinh,.. vờ) thuận tiện để người dân phân loại bỏ vào.

4.2.4. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:

- *Đối với các hộ gia đình:* Thu gom, phân loại rác thải, đưa vào các thùng chứa CTNH do UBND xã bố trí.

- Đối với UBND xã Lũng Cao

+ Tuyên truyền, phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo quy định của pháp luật.

+ Bố trí 01 thùng màu đen dung tích 200 lít/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại cuối tuyến đường ngoại vùng (cạnh thùng thu gom chất thải tro) thuận tiện để người dân phân loại bỏ vào.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nguy hại phát sinh trong khu dân cư.

Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Danh mục công trình xử lý môi trường	Đơn vị	Số lượng
A	Giai đoạn xây dựng		
1	Thu gom chất thải rắn-CTNH		
-	Thùng đựng CTR sinh hoạt 100 lít/thùng	Thùng	02
-	Thùng đựng CTNH dạng rắn 100 lít/thùng	Thùng	01
-	Thùng đựng CTNH dạng lỏng 100 lít/thùng	Thùng	01
-	Bãi thải	khu	01
2	Hệ thống xử lý nước thải		
-	Nhà vệ sinh di động	Cái	02
-	Bể tách dầu mỡ (thể tích: 0,5m ³ /bể)	Cái	01
-	Hố lắng (thể tích: 6 m ³ /bể)	Cái	02
B	Giai đoạn hoạt động		
-	Hệ thống thoát nước mưa	HT	01
-	Hệ thống thoát nước thải	HT	01
-	Bể Bastaf 5 ngăn (V = 5,25m ³)	BỂ	46
-	Bể tách dầu mỡ (thể tích: 0,5m ³ /bể)	BỂ	46

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Theo Điều 111, 112, Luật BVMT 2020, Điều 97, 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ, dự án không thuộc đối tượng bắt buộc phải thực hiện quan trắc và giám sát môi trường.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm

định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.